

BỘ NỘI VỤ

Số: 466/QĐ-BNV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Di sản Văn hoá Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 ban hành Luật quy định về quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Di sản Văn hoá Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Di sản Văn hoá Việt Nam đã được Đại hội đại biểu lần thứ II nhiệm kỳ 2009-2014 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2009.

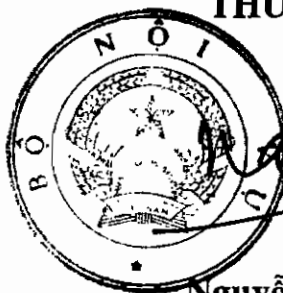
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Di sản Văn hoá Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Văn Tuấn (để báo cáo);
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Lưu: VT, Vụ TCCP, M.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Dinh
Nguyễn Tiến Dinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) HỘI DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 466/QĐ-BNV ngày 06 tháng 5 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Di sản Văn hóa Việt Nam (HDSVHVN).
2. Tên tiếng Anh: Cultural Heritage Association of Vietnam (CHAV).
3. Hội có biểu tượng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động

Hội Di sản Văn hóa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tập hợp các tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động nghề nghiệp hoặc có tâm huyết với di sản văn hoá để tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá theo quy định của pháp luật nhằm góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng di sản văn hoá thế giới.

Điều 3. Phạm vi hoạt động

Hội Di sản Văn hoá Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành khác về lĩnh vực Hội hoạt động. Hội quan hệ thường xuyên với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Tổ chức và hoạt động của Hội thực hiện theo nguyên tắc: tự nguyện, tự quản, tự trang trải kinh phí, dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; quyết định theo đa số; tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội.

Điều 5. Tư cách pháp nhân, trụ sở

Hội hoạt động độc lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu (dấu tròn ướ́t và dấu nổi nhỏ) và tài khoản riêng. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội. Hội có văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khu vực theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội

1. Tập hợp, đoàn kết và đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác giữa các tổ chức, cá nhân; thúc đẩy trao đổi thông tin, lý luận, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, vận động các tổ chức, cá nhân quan tâm đến di sản văn hoá, thúc đẩy sự nghiệp xã hội hoá nhằm huy động mọi nguồn lực phục vụ sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

3. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao kiến thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá cho hội viên và các chủ sở hữu di sản.

4. Hỗ trợ phát triển hoạt động nghề nghiệp về di sản văn hoá.

5. Nghiên cứu đề xuất với Đảng, Nhà nước các cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc.

6. Tham gia tư vấn, phản biện, giám định, đánh giá các đề tài, đề án, công trình về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo quy định của pháp luật; tham gia hoặc trực tiếp tổ chức thực hiện các đề tài, đề án, công trình về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Nghiên cứu ứng dụng, phổ biến thành tựu khoa học và công nghệ về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

8. Thiết lập và mở rộng hợp tác với các tổ chức, cá nhân nước ngoài về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá theo qui định của pháp luật.

9. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên; tham gia đấu tranh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp về di sản văn hoá của Việt Nam với quốc tế.

10. Tuyên truyền, vận động phát triển hội viên mới.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Hội

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội; đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

2. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; hòa giải tranh chấp trong nội bộ.

3. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

5. Thành lập các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

6. Hàng năm báo cáo tình hình tổ chức hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước ngành, chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

7. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

8. Lập thành hồ sơ lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, các tổ chức cơ sở trực thuộc, các chứng từ về tài chính của Hội, nghị quyết và biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương Hội, Ban Thường vụ Hội và Thường trực Hội theo quy định của pháp luật về hội.

9. Tổ chức đánh giá thành tích, khen thưởng kịp thời các hoạt động sáng tạo của hội viên hoặc của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên

Công dân, tổ chức của Việt Nam đủ điều kiện là hội viên theo quy định của Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều có thể trở thành hội viên của Hội Di sản Văn hóa Việt Nam. Hội Di sản Văn hóa Việt Nam gồm hội viên chính thức và hội viên liên kết, hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức:

a) Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có tâm huyết với việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, thừa nhận và tự nguyện thực hiện Điều lệ Hội;

b) Tổ chức Việt Nam không trong thời gian bị xem xét giải thể hoặc phá sản, tích cực tham gia công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, thừa nhận và tự nguyện thực hiện Điều lệ Hội.

2. Hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên liên kết gồm các tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên chính thức của Hội nhưng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có đóng góp cho sự phát triển của Hội, cùng đầu tư hỗ trợ tài chính và các điều kiện vật chất khác để thực hiện hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ Hội.

b) Hội viên danh dự gồm các tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên chính thức của Hội nhưng có đóng góp với Hội, có ảnh hưởng đến sự phát triển của Hội, được Ban Chấp hành Hội mời.

c) Hội viên liên kết và hội viên danh dự được tham gia các hoạt động và tham dự đại hội của Hội, nhưng không tham gia bầu cử, ứng cử Ban Lãnh đạo Hội, không biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội.
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ Hội giao.
3. Học tập nâng cao kiến thức, năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp.
4. Giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Hội; bảo vệ uy tín của Hội; tích cực tham gia công tác phát triển hội viên.
5. Sinh hoạt và đóng hội phí theo quy định.

Điều 10. Quyền của hội viên

1. Được cấp thẻ hội viên.
2. Được yêu cầu các tổ chức Hội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.
3. Ứng cử, đề cử, bầu cử và biểu quyết các công việc của Hội.
4. Phê bình, chất vấn, kiến nghị Ban lãnh đạo Hội về hoạt động của Hội.
5. Tham gia các hoạt động do Hội tổ chức; được ưu tiên nghiên cứu, tham quan các bảo tàng, di tích, danh lam, thắng cảnh do tổ chức thành viên của Hội quản lý; được Hội cử đi tham quan, học tập, công tác trong nước và nước ngoài khi có điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Được tổ chức Hội cung cấp thông tin và tạo điều kiện trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

Điều 11. Chấm dứt tư cách hội viên

Tư cách hội viên của Hội sẽ bị chấm dứt trong những trường hợp sau:

1. Cá nhân bị mất quyền công dân Việt Nam;
2. Cá nhân thôi quốc tịch Việt Nam;
3. Pháp nhân bị giải thể, phá sản;
4. Không đóng hội phí 6 tháng liên tiếp mà không có lý do chính đáng;
5. Có đơn tự nguyện xin ra khỏi Hội.

Khi bị chấm dứt tư cách, hội viên phải trả lại thẻ hội viên cho tổ chức Hội nơi sinh hoạt.

Chương IV

TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 12. Nguyên tắc tổ chức của Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Di sản Văn hóa Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc, nhiệm kỳ 5 năm.

2. Cơ quan lãnh đạo của tổ chức Hội giữa hai kỳ đại hội là Ban Chấp hành Trung ương Hội (gọi tắt là Ban Chấp hành Hội).

3. Ban Thường vụ Hội lãnh đạo hoạt động của tổ chức Hội giữa 2 kỳ họp của Ban Chấp hành Hội. Tổ chức liên chi hội, chi hội không có Ban Thường vụ, chỉ có Thường trực. Thường trực gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch. Thường trực làm nhiệm vụ của Ban Thường vụ.

4. Ban Chấp hành của tổ chức cơ sở Hội báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp và trước Ban Chấp hành Trung ương Hội.

5. Ban Chấp hành của các tổ chức cơ sở Hội không có Ban Thường vụ, được ban hành nghị quyết để giải quyết công việc trong phạm vi thẩm quyền. Nghị quyết chỉ có giá trị thi hành khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên tán thành, phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Nghị quyết Ban Chấp hành của tổ chức cơ sở Hội phải phù hợp với các quy định và chỉ đạo của Trung ương Hội.

Điều 13. Tổ chức Hội

1. Cơ cấu tổ chức của Hội gồm:

- a) Đại hội đại biểu toàn quốc;
- b) Ban Chấp hành Trung ương Hội;
- c) Ban Thường vụ Hội và Thường trực;
- d) Ban Kiểm tra Hội;
- đ) Văn phòng Hội và các ban chuyên môn;
- e) Các tổ chức trực thuộc Hội.

2. Ở Trung ương: Hội Di sản Văn hóa Việt Nam;

3. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh): Hội Di sản Văn hóa tỉnh. Việc thành lập Hội Di sản Văn hoá tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; nếu Hội Di sản Văn hoá tỉnh tán thành Điều lệ Hội Di sản Văn hóa Việt Nam làm đơn xin gia nhập thì được công nhận là hội thành viên của Hội Di sản Văn hóa Việt Nam;

4. Ở cơ sở: liên chi hội, chi hội, câu lạc bộ do Hội Di sản Văn hóa Việt Nam thành lập.

Điều 14. Đại hội đại biểu toàn quốc

Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Di sản Văn hoá Việt Nam. Nhiệm kỳ của Đại hội là 5 năm. Chậm nhất ba tháng trước

khi kết thúc nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Trung ương Hội đương nhiệm triển khai công tác chuẩn bị Đại hội nhiệm kỳ.

1. Đại biểu tham dự Đại hội gồm:

- a) Ủy viên Ban Chấp hành đương nhiệm;
- b) Đại biểu do đại hội của tổ chức Hội bầu;
- c) Đại biểu do Ban Thường vụ Hội và Thường trực tổ chức cơ sở Hội đương nhiệm chỉ định.

Đại hội chỉ hợp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu được triệu tập tham dự.

2. Nội dung Đại hội:

- a) Báo cáo hoạt động nhiệm kỳ trước và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới;
- b) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra nhiệm kỳ tới;
- c) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);
- d) Báo cáo tài chính;
- đ) Các văn kiện quan trọng khác.

3. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên đề nghị.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định tại đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do đại hội bầu trong số đại biểu chính thức của đại hội. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do đại hội quyết định.

2. Trong nhiệm kỳ, Ban Chấp hành có thể bầu bổ sung ủy viên nhưng không vượt quá 25% (hai mươi lăm phần trăm) tổng số ủy viên do Đại hội đã bầu.

3. Đối với tổ chức cơ sở của Hội mới thành lập, Thường trực Hội Di sản Văn hóa Việt Nam trực tiếp chỉ định Ban Chấp hành lâm thời. Chậm nhất sau 6 tháng từ khi có quyết định thành lập, tổ chức cơ sở Hội phải tổ chức đại hội để bầu Ban Chấp hành.

4. Ủy viên Ban Chấp hành xin miễn nhiệm phải được Ban Thường vụ Hội hoặc Thường trực tổ chức cơ sở Hội phê chuẩn.

5. Kết quả bầu Ban Chấp hành của tổ chức cơ sở Hội phải được Ban Chấp hành Hội Di sản Văn hóa Việt Nam phê chuẩn.

6. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành:

- a) Bầu các chức danh lãnh đạo;

- b) Thành lập các ban chuyên môn; phân công các ủy viên Ban Chấp hành phụ trách từng nhiệm vụ cụ thể;
- c) Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội;
- d) Tổ chức triển khai nghị quyết của đại hội và chương trình hoạt động của Hội;
- đ) Quyết định thành lập, giải thể các tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật;
- e) Quyết định chế độ làm việc của Ban Thường vụ Hội và Thường trực Hội;
- g) Chuẩn bị Đại hội nhiệm kỳ và bất thường;
- h) Bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành và kỷ luật thành viên Ban Chấp hành;
- i) Ban hành quy chế làm việc của Ban Chấp hành và các tổ chức của Hội.

7. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp thường kỳ 1 năm một lần; Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội họp thường kỳ 6 tháng một lần; họp bất thường khi xét thấy cần hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Trưởng ban kiểm tra phải là ủy viên Ban Chấp hành.
2. Ban Kiểm tra Hội làm việc theo chế độ tập thể.
3. Ban Kiểm tra Hội có nhiệm vụ:
 - a) Kiểm tra tư cách hội viên theo tiêu chuẩn và nhiệm vụ của hội viên;
 - b) Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của đại hội và nghị quyết của Ban Chấp hành;
 - c) Kiểm tra việc khen thưởng, kỷ luật;
 - d) Kiểm tra việc thu, chi tài chính;
 - đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 17. Ban Thường vụ Hội và Thường trực Hội

1. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên Ban Thường vụ.
2. Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực, các Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký.
3. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ Hội:
 - a) Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành Hội ;
 - b) Quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội;
 - c) Chỉ đạo công tác xây dựng và phát triển Hội. Quyết định các vấn đề lớn về công tác tổ chức cán bộ của Hội;

- d) Quyết định việc khen thưởng và kỷ luật theo quy định của Điều lệ Hội;
- đ) Quyết định công nhận hội viên liên kết và hội viên danh dự của Hội;
- e) Báo cáo công việc trước Ban Chấp hành Hội.

4. Nhiệm vụ của Thường trực Hội

- a) Lãnh đạo hoạt động Hội, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Hội, nghị quyết của Ban Chấp hành Hội và chương trình hoạt động của Hội;
- b) Quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Thường vụ Hội;
- c) Quyết định những vấn đề cụ thể về công tác tổ chức, cán bộ của Hội và cấp thẻ hội viên;
- d) Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình lãnh đạo thực hiện công tác của Hội và thông báo với Ban Thường vụ Hội và Ban Chấp hành Hội

5. Ban Thường vụ Hội họp 6 tháng một lần; Thường trực Hội họp 3 tháng một lần; họp bất thường khi cần. Nghị quyết của Ban Thường vụ chỉ có giá trị khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên tán thành.

Điều 18. Chủ tịch Danh dự, Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch danh dự là người được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Di sản Văn hóa Việt Nam suy tôn.

2. Chủ tịch Hội là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi mặt hoạt động của Hội. Chủ tịch phân công các Phó Chủ tịch lãnh đạo từng mặt công tác của Hội. Khi Chủ tịch đi vắng, Phó Chủ tịch thường trực thực hiện các nhiệm vụ của Chủ tịch.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và Phó Chủ tịch theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội. Khi hết nhiệm kỳ, Chủ tịch tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Ban Chấp hành Trung ương Hội khoá mới bầu Chủ tịch mới.

4. Nhiệm vụ của Chủ tịch:

- a) Chủ tọa các phiên họp của Thường trực, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Hội;
- b) Ký các nghị quyết của Ban Chấp hành Hội và của Ban Thường vụ Hội;
- c) Trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành và nghị quyết của Ban Thường vụ Hội, ký các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức thủ trưởng các tổ chức trực thuộc Trung ương Hội.

Điều 19. Tổng Thư ký Hội

Tổng Thư ký là được Chủ tịch uỷ quyền điều hành công việc hàng ngày của Hội. Nhiệm kỳ Tổng Thư ký theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội. Tổng Thư ký có nhiệm vụ:

1. Điều hoà, phối hợp hoạt động và công tác đối nội, đối ngoại hàng ngày của Hội;

2. Lãnh đạo công tác của Văn phòng Trung ương Hội. Tổ chức quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội;

3. Giúp Thường trực, Ban Thường vụ Hội đơn đốc công tác xây dựng Hội, quản lý các tổ chức của Hội, chuẩn bị nội dung các kỳ họp Thường trực, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Trung ương Hội;

4. Ký các văn bản hành chính, văn bản hợp tác với các tổ chức, cá nhân có liên quan của Hội và các văn bản khác theo phân công của Thường trực và Ban Thường vụ Hội hoặc của Chủ tịch Hội.

Điều 20. Tổ chức trực thuộc Trung ương Hội

Các tổ chức trực thuộc Trung ương Hội gồm:

1. Văn phòng Hội;
 2. Các Ban chuyên môn;
 3. Cơ quan ngôn luận;
 4. Quỹ Di sản văn hoá;
 5. Trung tâm Bảo tồn và Phát triển văn hoá Việt Nam
 6. Các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức khác.
- Việc thành lập các tổ chức trực thuộc theo quy định của pháp luật.

Chương V

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 21. Tài sản, tài chính của Hội

Tài sản, tài chính của Hội gồm:

1. Hội phí do hội viên đóng góp;
2. Tài sản, tài chính do Nhà nước tài trợ;
3. Tài sản, tài chính do các tổ chức và cá nhân tài trợ;
4. Tài sản, tài chính do các tổ chức trực thuộc Hội đóng góp;
5. Tài chính từ các hoạt động có thu hợp pháp;
6. Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội

Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài sản, tài chính của Hội, mức đóng hội phí của hội viên.

Điều 23. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội giải thể

Việc giải quyết tài sản, tài chính khi giải thể Hội thực hiện theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 24. Khen thưởng

1. Hội viên và các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Hội và sự nghiệp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hoá được Hội khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước khen thưởng.

2. Hình thức khen thưởng của Hội gồm: kỷ niệm chương, bằng khen, giấy khen, tặng phẩm và các hình thức khác.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Hội viên vi phạm Điều lệ Hội sẽ bị xử lý theo các hình thức sau: khiển trách, cảnh cáo, cách chức vụ Hội, khai trừ ra khỏi Hội.

2. Chi hội và tổ chức trực thuộc Trung ương Hội vi phạm kỷ luật sẽ bị xử lý theo các hình thức sau: khiển trách, cảnh cáo, giải thể.

3. Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định nội dung, thẩm quyền, thủ tục xử lý kỷ luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Di sản Văn hoá Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Hội Di sản Văn hoá Việt Nam gồm 7 Chương, 27 Điều, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Hội Di sản Văn hoá Việt Nam nhiệm kỳ 2009-2014 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2009 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Trung ương Hội Di sản Văn hoá Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ Hội. Tổ chức Hội, hội viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Hội./.